

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2022
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Sử Thị Huyền Trang.
- Ông Trần Văn Kiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thuý- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27A/2022/QĐ-TA ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Bình T, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Bình T, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình Nam. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi với nhau, anh Đ nhiều lần nhậu nhẹt cầm dao dọa nạt chị nên chị nhận thấy cuộc sống không còn hạnh phúc, chị và

anh Đ sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị N xác định, vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Võ Quý Hoàng Nh, sinh ngày 06/5/2013, giới tính nam và cháu Võ Quốc H, sinh ngày 17/01/2017, giới tính nam (hiện nay cháu Nh đang chung sống với anh Đ, cháu H chung sống với chị N). Nay chị N đồng ý giao cháu Nh cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị N yêu cầu được nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị N xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định, vợ chồng không có nợ chung, không ai thiếu vợ chồng.

Bị đơn anh Võ Văn Đ vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 10/11/2022 anh Võ Văn Đ xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh Đ cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình Nam. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh đồng ý nuôi cháu Nh, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Võ Quý Hoàng Nh, sinh ngày 06/5/2013, giới tính nam cho anh Đ nuôi dưỡng và giao cháu Võ Quốc H, sinh ngày 17/01/2017, giới tính nam cho chị N nuôi. Anh Đ, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đ và có yêu cầu giải quyết về con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Đ có nơi cư trú tại ấp Bình Thành, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Vợ chồng xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình Nam và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân ngày càng trầm trọng khi vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, gia đình hai bên, Tòa án tiến hành hòa giải, động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn nhưng anh chị vẫn không thể chung sống được. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình để chị N tiếp tục chung sống với anh Đ, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, Đ sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Đ.

[4] *Về con chung:* Chị N, anh Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên Võ Quý Hoàng Nh, sinh ngày 06/5/2013, giới tính nam và cháu Võ Quốc H, sinh ngày 17/01/2017, giới tính nam. Giữa anh Đ và chị N thoả thuận giao cháu Nh cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nh đang sống với anh Đ, nguyện vọng của của cháu Nh muốn chung sống với anh Đ, cháu H đang chung sống với chị N về cuộc sống của con được đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn*), Điều 82 (*Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Võ Quý Hoàng Nh, sinh ngày 06/5/2013, giới tính nam cho anh Đ nuôi dưỡng và giao cháu Võ Quốc H, sinh ngày 17/01/2017, giới tính nam cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng*: Chị N, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Đ, chị N có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn chị N chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 171, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N được ly hôn với anh Võ Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Võ Quý Hoàng Nh, sinh ngày 06/5/2013, giới tính nam cho anh Đ nuôi dưỡng; giao cháu Võ Quốc H, sinh ngày 17/01/2017, giới tính nam cho chị N nuôi dưỡng, (cháu Nh đang chung sống với anh Đ, cháu H chung sống với chị N). Anh Đ, chị N không cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002559 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, chị N không phải nộp thêm.
5. Nguyên đơn chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/12/2022). Bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng